

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Bà Trương Thị Tất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Hà Anh T, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện Bầu B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Minh H, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện Bầu B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Hà Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Hà Anh T đăng ký kết hôn với anh Trương Minh H tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bầu B, tỉnh Bình Dương vào ngày 05-3-2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18. Tháng 6 năm 2019, chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, kinh tế, anh H đã sử dụng bạo lực đánh

chị T, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: chị T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trương Minh H trình bày:

Anh Trương Minh H thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nhưng, trước yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh H không đồng ý ly hôn với chị T vì anh H vẫn còn tình cảm với chị T.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: anh H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: chị T và anh H đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc, có xảy ra bạo lực gia đình và hiện nay đã ly thân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của chị T về tranh chấp ly hôn, bị đơn là anh Trương Minh H có nơi cư trú tại ấp Cầu Đôi, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Hà Anh T và anh Trương Minh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã H, huyện Bàu B, tỉnh Bình Dương vào ngày 05-3-2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, tình cảm, có xảy ra bạo lực gia đình và cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên từ tháng 6 năm 2019, vợ chồng đã ly thân với nhau. Do đó, có cơ sở xác định: chị T và anh H không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Hà Anh T đối với bị đơn anh Trương Minh H về việc tranh chấp ly hôn.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phạm Hà Anh T và anh Trương Minh H.

Về con chung: không có, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phạm Hà Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0021197 ngày 27-8-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng;
- UBND xã H, huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Dũng